

TÊN _____

5 Câu hỏi tự luận

1. khởi nghiệp, sắp đặt

NHẬP ĐÁP ÁN CỦA BẠN

2. tiếp tục

NHẬP ĐÁP ÁN CỦA BẠN

3. bắt đầu làm một hoạt động/thói quen mới

NHẬP ĐÁP ÁN CỦA BẠN

4. lớn lên

NHẬP ĐÁP ÁN CỦA BẠN

5. khởi động

NHẬP ĐÁP ÁN CỦA BẠN

5 Câu hỏi ghép thẻ

1. _____ từ bỏ

A. give up

2. _____ tin cậy vào

B. count on

C. show off

3. _____ chờ đợi

D. hold on

4. _____ sống nhờ vào

E. live on

5. _____ khoe khoang

5 câu hỏi nhiều lựa chọn

1. mặc đẹp

☐ bring up

☐ grow up

☐ dress up

☐ keep up

2. thực hiện, tiến hành

☐ find out

☐ carry out

☐ work out

☐ pass down

3. tiếp quản

☐ come back

☐ keep up

- ☐ take off
- ☐ take over

4. bắt đầu

- ☐ get up
- ☐ bring out = publish
- ☐ dress up
- ☐ set up = start

5. nuôi dưỡng

- ☐ warm up
- ☐ grow up
- ☐ bring up
- ☐ dress up

5 câu hỏi Đúng/Sai**1. đóng cửa, ngừng kinh doanh → close down**

- ☐ Đúng
- ☐ Sai

2. phản đối, từ chối → pass down

- ☐ Đúng



Sai

3. ghé qua → drop by



Đúng



Sai

4. chuyển giao, truyền lại → pass down



Đúng



Sai

5. máy bay cất cánh, cởi đồ → work out



Đúng



Sai

[Xem đáp án](#)